

Bản án số: 336/2024/DS-PT
Ngày: 01/7/2024
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3600/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Anh P, sinh năm: 2000; địa chỉ: Số E, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2.2. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972, địa chỉ: F tổ F, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.2. Anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.3. Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1, anh T, anh K: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972, địa chỉ: F tổ F, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*** Người kháng cáo:**

- Ông Nguyễn Văn H,

- Ông Nguyễn Văn N,

- Bà Nguyễn Thị Phú .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H là chị Nguyễn Anh P trình bày:

Vào năm 1996, ông Nguyễn Văn H có cho ông Nguyễn Văn N thuê một phần đất có chiều ngang khoảng 12m (mười hai mét), chiều dài khoảng 14m (mười bốn mét) để ở tạm với giá là 05 (năm) chỉ vàng 24K trong thời hạn mười năm. Khoảng năm 1999, ông N đi làm ăn xa, bà Nguyễn Thị P1 là em ruột của ông N trông coi mặt bằng đã thuê thay cho ông N và có xây dựng, sửa chữa nhà để mua bán. Hết thời hạn mười năm, ông H có yêu cầu ông N, bà P1 trả lại đất và đồng ý trả lại tiền xây dựng nhà cho ông N, bà P1 nhưng ông N, bà P1 xin ở lại một thời gian rồi tháo dỡ, di dời nhà giao trả đất. Đồng thời ông N có xin ông H một nền nhà, ông H thương tình nên mới làm giấy tay cho đất nền nhà ngày 01/11/2021, nhưng sau đó bà P1 vẫn tiếp tục ở tại ngôi nhà trên đất và gia đình ông N (ông N, anh K, anh T) ở trên ngôi nhà còn lại trên đất mà không giao trả đất, nay các bên đã phát sinh tranh chấp nên ông H không đồng ý cho đất theo giấy tay cho đất nền nhà ngày 01/11/2021.

Ông H yêu cầu ông N, bà P1, anh T, anh K phải tháo dỡ, di dời ngôi nhà cấp 4 (được chia làm hai căn liền kề) để giao trả lại phần đất cho ông H có chiều ngang khoảng 12m (mười hai mét), chiều dài khoảng 14m (mười bốn mét) thuộc một phần của thửa 490, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho ông Nguyễn Văn H vào ngày 31/5/2018. Theo kết quả đo đạc là các thửa đất số 490A, 490B, 490C, 490D.

Tại bản tự khai, đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Minh K và người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà P1, bà T1, anh T, anh K là ông Đinh Văn N1 trình bày:

Vào năm 1987, ông N được bà H1 (mẹ của ông H) cho một phần đất có chiều ngang 06m (sáu mét), chiều dài 25m (hai mươi lăm mét) và ông N đã cất nhà có chiều ngang 06m (sáu mét) chiều dài 15m (mười lăm mét) vì phía sau là mộ. Năm 1988, ông N, bà T1 có nhận chuyển nhượng của ông H một nền nhà có chiều ngang 06m (sáu mét), chiều dài 25m (hai mươi lăm mét) với số vàng là 07 (bảy) chỉ vàng 24K, sau đó ông N, bà T1 có cho bà P1 (em ruột ông N) phần đất có chiều ngang 04m (bốn mét), chiều dài 25m (hai mươi lăm mét) để cất nhà ở nhưng bà P1 chỉ cất nhà chiều dài là 15m (mười lăm mét) vì phía sau là mộ.

Ông N, bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà được quyền sử dụng phần đất có chiều ngang là khoảng 8m, chiều dài là khoảng 25m, diện tích là khoảng 200m² thuộc một phần của thửa 490, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H đối với thửa 490, tờ bản đồ số 11. Theo kết quả đo đạc là thửa 490C, 490D.

Bà P1 đồng ý với lời trình bày của ông N, bà T1 về nguồn gốc đất, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất có chiều ngang là khoảng 4m, chiều dài là 25m, diện tích là 100m² thuộc một phần của thửa 490, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H đối với thửa 490, tờ bản đồ số 11. Theo kết quả đo đạc là thửa 490A, 490B.

Giấy tay cho đất nền nhà ngày 01/11/2021 là có, chữ ký là của ông N, bà P1. Nhưng do anh T, anh K, bà T1 không đồng ý trả đất nên mới không thực hiện theo Giấy tay cho đất nền nhà ngày 01/11/2021. Bị đơn, người liên quan không yêu cầu được nhận 5,7m chiều ngang, chiều dài hết đất của ông H như đã nêu tại Giấy tay cho đất nền nhà ngày 01/11/2021, không yêu cầu đo đạc để xác định phần đất 5,7m chiều ngang, chiều dài hết đất của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày: Ông H đã nhận đủ tiền thuê đất trong thời hạn mười năm như đã thỏa thuận, không tranh chấp hợp đồng

thuê đất, việc thuê đất chỉ thỏa thuận miệng mà không có làm giấy tờ; không có việc tặng cho đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất như ông N, bà P1, bà T1 đã trình bày, phần đất hiện nay có tranh chấp là của ông H không phải của bà H1. Ông H yêu cầu ông N, bà P1, anh T, anh K, bà T1 phải tháo dỡ, di dời hai ngôi nhà cấp 4 và công trình xây dựng khác để giao trả lại các thửa đất số 490A, 490B, 490C, 490D cho ông H. Nguyên đơn không yêu cầu định giá đối với nhà vệ sinh, hồ nước mà bà P1 đã xây tạm.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà T1, bà P1, anh T, anh K vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đồng thời xác định: Không có việc thuê đất như ông H trình bày, ông N, bà T1 đã giao đủ vàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; việc cho đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ thỏa thuận miệng mà không có làm giấy tờ gì. Ông N, bà T1, bà P1 không có tranh chấp gì về phần đất mà ông N, bà T1 đã cho bà P1. Đối với hồ nước, nhà tắm (nhà vệ sinh tạm) thì bà P1 không yêu cầu định giá, nếu yêu của bà P1 được chấp nhận thì bà P1 tiếp tục sử dụng, nếu yêu cầu của bà P1 không được chấp nhận thì bà P1 sẽ di dời.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, cụ thể:

1.1) Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới giao lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất, công trình xây dựng trên đất như sau:

- Phần đất có diện tích là 97,6m² thuộc thửa đất số 490C và 74,6m² thuộc thửa đất số 490D, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre kèm theo).

- Mái che trước nhà bằng tole, nền xi măng, diện tích 7,3m x 2,1m = 15,33m² (mười lăm phẩy ba mươi ba mét vuông).

- Nhà ở khung cột bê tông cốt thép, mái tole xi măng, trần nhựa, vách xây gạch 100mm sơn nước, nền đất, nhà không ngăn phòng, diện tích 7,3m x 9,9m = 72,27m² (bảy mươi hai phẩy hai mươi bảy mét vuông).

- Hàng rào trụ bê tông cốt thép chôn, trên gắn lưới B40, diện tích 1,7m x 10,2m = 17,34m² (mười bảy phẩy ba mươi bốn mét vuông).

- Một cây dừa loại 1.

- Một ngôi mộ đất.

Ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ di dời các vật dụng trong nhà để giao cho ông Nguyễn Văn H phần đất, nhà, công trình xây dựng trên đất có kết cấu, diện tích như đã nêu trên.

1.2) Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1 giá trị của phần nhà ở, mái che với số tiền là: 166.558.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

1.3) Buộc bà Nguyễn Thị P1 có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất, công trình xây dựng trên đất như sau:

- Phần đất có diện tích là 42,9m² thuộc thửa đất số 490A và 47,0m² thuộc thửa đất số 490B, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre kèm theo).

- Phần nhà có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách xây gạch 100mm chưa tô xi măng, nền lát gạch tàu, không trần: Phần thêm ba nhà là mái tole kẽm có diện tích 4m x 2,1m = 8,4m² (tám phẩy bốn mét vuông); phần trong nhà có mái tole xi măng, diện tích 4m x 8m = 32m² (ba mươi hai mét vuông).

- Phần nhà sau nhà ở (nhà tạm) có khung cột bê tông cốt thép đúc sẵn + cột gỗ, mái lợp tole kẽm, không trần, nền xi măng, vách gỗ + tole, diện tích 4,6m x 1,9m = 8,74m² (tám phẩy bảy mươi bốn mét vuông).

- Một ngôi mộ đất.

1.4) Buộc bà Nguyễn Thị P1 có nghĩa vụ di dời các vật dụng trong nhà, tháo dỡ hoặc phá bỏ để di dời một nhà vệ sinh tạm (nhà tắm), một hồ nước để giao trả phần đất thuộc thửa 490A, 490B cho ông Nguyễn Văn H.

1.5) Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Nguyễn Thị P1 giá trị của phần nhà, nhà sau (nhà tạm) với số tiền là: 89.479.000 đồng (tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

1.6) Ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1 anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị P1 được lưu cư lại trên đất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để chuẩn bị chỗ ở mới.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1 về việc yêu cầu công nhận cho ông N, bà T1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 97,6m² thuộc thửa đất số 490C và 74,6m² thuộc thửa đất số 490D, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1 về việc yêu cầu công nhận cho bà P1 được quyền sử dụng phần đất có 42,9m² thuộc thửa đất số 490A

và 47,0m² thuộc thửa đất số 490B, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/7/2023, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P1 nộp đơn kháng cáo với nội dung như sau:

Ông N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N, công nhận cho ông N phần đất thuộc thửa 490C, 490D tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà P1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà P1, công nhận cho bà P1 phần đất thuộc thửa 490A, 490B tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21/7/2023, ông Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo với nội dung là không đồng ý bồi thường giá trị nhà, công trình xây dựng trên đất cho ông N, bà T1, bà P1; đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông N, bà T1, anh T, anh K phải đập bỏ, tháo dỡ, di dời nhà, mái che để giao trả lại thửa đất 490C, 490D cho ông H, buộc bà P1 phải đập bỏ, tháo dỡ, di dời nhà, nhà sau nhà ở (nhà tạm), nhà vệ sinh tạm (nhà tắm), hồ nước để giao trả lại thửa đất 490A, 490B cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là bà Nguyễn Anh P rút toàn bộ đơn kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P1 giữ nguyên quan điểm kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P1; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông N, bà P1 về việc tạm giao phần đất tranh chấp cho ông N, bà P1 tạm quản lý. Dành quyền khởi kiện cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn H trong thời hạn qui định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có yêu cầu rút toàn bộ đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo của ông Nguyễn Văn H theo quy định tại Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông H yêu cầu bà P1 di dời tài sản để trả lại phần đất qua đo đạc là thửa 490A có diện tích là 42,9m² và thửa 490B có diện tích là 47,0m². Đồng thời ông H yêu cầu ông N, bà T1, anh T, anh K di dời tài sản để trả lại phần đất đang sử dụng qua đo đạc là thửa 490C có diện tích là 97,6m² và thửa 490D có diện tích là 74,6m². Ông H cho rằng các phần đất này là của ông H cho ông N, bà P1 thuê, đến nay đã hết thời hạn thuê mà phía bị đơn không trả lại đất cho ông. Tuy nhiên ông N, bà P1 không thừa nhận có việc thuê đất mà ông N, bà T1, bà P1, anh T, anh K cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do bà Nguyễn Thị H2 (mẹ của ông H) cho ông N vào năm 1987 và một phần do ông N, bà T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H vào năm 1988, ông N, bà T1 đã giao đủ tiền vàng cho ông H. Các bên đương sự không có tranh chấp về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và không tranh chấp về nội dung giấy tay cho đất nền nhà được lập vào năm 2021, do đó Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, theo giấy xác nhận của những người sinh sống tại địa phương, có mối quan hệ thân thuộc với nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định phần đất tranh chấp của ông Nguyễn Văn Q (chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị H2 (chết năm 1993). Ông Q, bà H2 có tất cả 11 người con gồm Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Đ1. Quá trình sống chung thì ông Q, bà H2 có tạo lập được khối tài sản chung là thửa 490, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Khi ông N xây nhà cấp 4, ông H không có tranh chấp, không biết lý do nào mà ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi ông Q, bà H2 chết không để lại di chúc, các con của ông Q, bà H2 chưa được hưởng di sản thừa kế.

Đồng thời, xét về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các phần đất tranh chấp là do ông H đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011, nguồn gốc đất là của ông bà. Tuy nhiên trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có văn bản phân chia thừa kế theo quy định. Mặt khác, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì gia đình của phía bị đơn là ông N, bà P1 đang sinh sống trên đất, Ủy ban nhân dân huyện M (nay là Ủy ban nhân dân huyện M) thực hiện thủ tục cấp đất cho ông H mà không có ý kiến của gia đình bị đơn là không đúng quy định.

[4] Bị đơn đã sinh sống ổn định trên đất từ năm 1988 đến nay và đã xây dựng nhà kiên cố, không phát sinh tranh chấp nên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bị đơn, do đó cần giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp. Toà án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là của nguyên đơn và buộc bị đơn giao lại các phần đất tranh chấp cho nguyên đơn là không có cơ sở nên Toà án cấp phúc thẩm cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tạm giao phần đất thuộc thửa đất số 490C, 490D, tờ bản đồ số 11 cho ông N, bà T1 quản lý sử dụng; tạm giao thửa đất số 490A, 490B, tờ bản đồ số 11 cho bà P1 quản lý, sử dụng. Dành quyền khởi kiện cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 bằng một vụ kiện khác theo quy định.

[5] Ông N, bà P1 kháng cáo là có cơ sở một phần nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông N, bà P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông H rút đơn kháng cáo tại phiên tòa nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông H là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 289 và 295 Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản để giao lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất thuộc thửa đất số 490C, diện tích 97,6 m² và thửa đất số 490D, diện tích 74,6m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc bà Nguyễn Thị P1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản để giao lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất thuộc thửa đất số 490A, diện tích 42,9m² và thửa đất số 490B, diện tích 47,0m², tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T1 về việc tạm giao cho ông N, bà T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 490C, diện tích 97,6 m² và thửa đất số 490D, diện tích 74,6m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1 về việc tạm giao cho bà P1 quản lý, sử dụng thửa đất số 490A, diện tích 42,9m² và thửa đất số 490B, diện tích 47,0m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Có hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

5- Dành quyền khởi kiện cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Văn Q bằng vụ kiện khác.

6- Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 2.893.000 đồng (hai triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng), ông H đã nộp xong.

Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P1 phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 6.914.000 đồng (sáu triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng). Đương sự đã nộp xong.

7- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

8- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Minh Đạt